

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bé;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

- Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1993; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tại thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1957 (chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1961 (chết); có vợ Bùi Thị Cẩm G, sinh năm 1994 và có 01 người con sinh năm 2012; tiền án: Ngày 20/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2016 chưa xóa án tích; tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 20/01/2018 đến ngày 26/01/2018 chuyển tạm giam.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Huỳnh Thị N, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Y, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bà Lê Thị D, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

Chị Bùi Thị Cẩm G, sinh năm 1994 (có mặt)

Anh Bùi Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị Trang, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 08 giờ ngày 12/01/2018, bị cáo Huỳnh Văn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66H1-002.53 đến nhà bên vợ thuộc ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp rủ Bùi Văn H (anh vợ Đ) đi bắt tổ ong nhưng H không đồng ý nên bị cáo một mình điều khiển xe từ xã P đến cầu dây thị trấn T nhìn thấy chị Huỳnh Thị N đang ngồi bán trái cây trên vỉa hè thuộc khuôn viên Nhà văn hóa huyện T, hai tay chị N đang cầm tô bún để ăn, trên đùi trái đang để một điện thoại di động xem video, lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên điều khiển xe lên vỉa hè đậu gần chị N để hỏi chuyện mục đích để chị N không đề phòng khi bị cáo điều khiển xe mô tô đến chỗ chị N ngồi rồi dùng tay phải giật điện thoại và tăng ga chạy hướng lên cầu Việt Nhật đến dốc cầu lấy điện thoại vừa chiếm đoạt được bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe chạy hướng về xã P, huyện T. Khi đến chợ P, bị cáo lấy điện thoại vừa chiếm đoạt của chị N bán cho Nguyễn Minh T (chủ tiệm điện thoại M) với giá 1.500.000 đồng (do bà Lê Thị D mẹ ruột T cho mượn 1.500.000 đồng trả cho bị cáo Đ), số tiền này bị cáo tiêu xài cá nhân hết, đến ngày 19/01/2018 bị cáo bị bắt tại huyện Đ, tỉnh Long An với hành vi như trên.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 02/BKLĐGTS ngày 23/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện

thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màu vàng ghi, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 1.800.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-TN ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Đ phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo Huỳnh Văn Đ: Khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo thừa nhận vào khoảng 08 giờ ngày 12/01/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô một mình từ xã P đến cầu dây thừng T nhìn thấy chị N đang ngồi bán trái cây trên vỉa hè thuộc khuôn viên Nhà văn hóa huyện T, để một điện thoại di động trên đùi trái xem video, lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên bị cáo điều khiển xe mô tô đến chỗ chị N ngồi rồi dùng tay phải giật điện thoại rồi điều khiển xe chạy đến chợ xã P, huyện T bán với giá 1.500.000 đồng bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa, bị hại Huỳnh Thị N có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra trình bày: Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 12/01/2018 chị đang bán trái cây ở cầu dây thừng tại khóm Y, thị trấn T, huyện T thuộc khuôn viên Nhà văn hóa T thì có một thanh niên (khi công an mời làm việc chị mới biết tên là bị cáo Đ) đậu xe phía sau, lúc này chị để chiếc điện thoại trên đùi thì người thanh niên kia rời ga xe chạy từ phía sau chị giật chiếc điện thoại của chị. Nay chị không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường thiệt hại gì cả chỉ mong Tòa án xem xét trả lại tài sản là chiếc điện thoại mà Công an đang tạm giữ hiệu OPPO A71, đối với bị cáo Đ tùy theo pháp luật xử lý.

Tại phiên tòa, người làm chứng Bùi Thị Cẩm G trình bày: Bị cáo Đ là chồng của chị đã có hành vi cướp giật tài sản vào ngày 12/01/2018 chị hoàn toàn không biết, bị cáo không bàn bạc hay cho chị biết và cũng không có đem tiền về sinh hoạt chung gia đình. Ngoài ra, về bồi thường cho người mua điện thoại số tiền 1.500.000đồng chị và bị cáo đã trả lại xong.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Đ mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, về tội “*Cướp giật tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại 1.500.000đồng xong và cũng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa tuyên:*

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn Đ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, màu sơn đen, số khung BY083239, số máy 16S1-083236, biển số 66H1-002.53 (do bà Nguyễn Thị Tuyết H mẹ ruột bị cáo đứng tên chủ sở hữu); 01 áo sơ mi dài tay màu đen (sọc đen – trắng – đỏ) và 01 quần jean loại quần sọt màu xanh đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị hại Huỳnh Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màu vàng ghi đã qua sử dụng.

- Tịch thu đưa vào hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy hóa đơn bán hàng của cửa hàng điện thoại Thế giới di động, có mã số 01057S0171013720001206516345.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội*: Lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản kiểm tra đồ vật ngày 20/01/2018 tại Công an huyện T; Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 04/QĐ-TGĐVTL ngày 26/01/2018 của Công an huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số: 02/BKLĐGTS ngày 23/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Nông; Lời khai của người làm chứng tại phiên tòa; Lời khai bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 12/01/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô một mình từ xã P đến cầu dây thị trấn T nhìn thấy chị N để một điện thoại di động trên đùi trái xem video, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên bị cáo điều khiển xe mô tô đến chỗ chị Nết ngồi rồi dùng tay phải giật điện thoại nhãn hiệu OPPO A71 rồi điều khiển xe chạy đến chợ xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông bán với giá 1.500.000 đồng bị cáo tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cướp giật tài*

sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi cướp giật tài sản tại huyện Đ, tỉnh Long An do chưa tìm được bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để khởi tố vụ án và khởi tố bị cáo, vì vậy không xem xét xử lý trong cùng vụ án.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:*

Hành vi của bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều bị trừng trị. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó thấy được ý thức xem thường và bất chấp pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Hậu quả của tội cướp giật tài sản không chỉ những thiệt hại về tài sản mà còn có thể gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người quản lý tài sản.

Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án cụ thể ngày 20/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2016 chưa được xóa án tích, nay bị cáo tiếp tục tái phạm thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên xem đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại 1.500.000đồng và có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vật chứng của vụ án:*

- 01 áo sơ mi dài tay màu đen (sọc đen – trắng – đỏ); 01 quần jean loại quần sọt màu xanh đã qua sử dụng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, màu sơn đen, số khung BY083239, số máy 16S1-083236, biển số 66H1-002.53 (do bà Nguyễn Thị Tuyết H mẹ ruột bị cáo đứng tên chủ sở hữu đã chết năm 2012). Gia đình bị cáo có 03 anh em gồm: Huỳnh Văn Cường, sinh năm 1980, Huỳnh Văn B, sinh năm 1982 hiện đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ ở đâu Cơ quan điều tra không làm việc được và tại phiên tòa bị cáo cũng không biết hiện nay 02 người anh là C, B ở đâu và đây là tài sản thuộc sở hữu chung. Xét thấy các vật chứng trên nên trả lại cho bị cáo là phù hợp theo khoản 1, điểm

b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màu vàng ghi đã qua sử dụng. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của bị hại nên trả lại là phù hợp theo khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- 01 tờ giấy hóa đơn bán hàng của cửa hàng điện thoại Thế giới di động, có mã số 01057S0171013720001206516345. Đây là vật chứng không có giá trị nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Đ phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 20 tháng 01 năm 2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn Đ: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen (sọc đen – trắng – đỏ); 01 (một) quần jean loại quần sọt màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, màu sơn đen, số khung BY083239, số máy 16S1-083236, biển số 66H1-002.53 (do bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa mẹ ruột bị cáo đứng tên chủ sở hữu).

2.2. Trả lại cho Huỳnh Thị N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màu vàng ghi đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

2.3. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) tờ giấy hóa đơn bán hàng của cửa hàng điện thoại Thế giới di động, có mã số 01057S0171013720001206516345. (Vật chứng này hiện tại đang lưu trong hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA